

Số: 2454 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình khoa học xã hội và nhân văn cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu đổi mới quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam”, mã số: KX.07/21-30

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030;

Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2021-2030;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 tại Công văn số 1066/TTg- KGVX ngày 05/8/2021;

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Giám đốc Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khoa học xã hội và nhân văn cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030: “Nghiên cứu đổi mới quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam” (sau đây gọi tắt là Chương trình), mã số: KX.07/21-30. Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của Chương trình quy định tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Cơ chế quản lý và tài chính của Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban KHCNMT của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Bùi Thế Duy

PHỤ LỤC

Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của chương trình khoa học xã hội và nhân văn cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu đổi mới quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam”, mã số: KX.07/21-30

(Kèm theo Quyết định số 2454/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn làm sáng tỏ những vấn đề mới về mô hình quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) phù hợp thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế Việt Nam, góp phần phục vụ kịp thời công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội và Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030.

Mục tiêu cụ thể:

1. Nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm trong nước và quốc tế làm sáng tỏ cơ sở thực tiễn, căn cứ đề xuất các giải pháp đổi mới mô hình quản lý và hoàn thiện thể chế quản lý KH,CN&ĐMST tại Việt Nam; góp phần cụ thể hóa và triển khai thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021-2030.

2. Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận mới về nội hàm và mô hình quản lý KH,CN&ĐMST, thể chế và các điều kiện cần thiết để phát huy vai trò động lực của KH,CN&ĐMST trong phát triển kinh tế xã hội nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng và hoạch định đường lối, chính sách của Nhà nước trong giai đoạn tới, phục vụ xây dựng các văn kiện trình Đại hội XIV, Đại hội XV của Đảng.

3. Đề xuất được các quan điểm, định hướng và giải pháp đổi mới, hoàn thiện mô hình, thể chế quản lý KH,CN&ĐMST; các (khung) chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý KH,CN&ĐMST phù hợp với chuẩn mực quốc tế và điều kiện thực tế Việt Nam; góp phần hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý KH,CN&ĐMST nhằm thúc đẩy và phát huy vai trò động lực của KH,CN&ĐMST phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II. Nội dung

1. Các vấn đề lý luận chung, kinh nghiệm quốc tế về phát triển và quản lý KH,CN&ĐMST

- Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về phát triển KH,CN&ĐMST ở 03 giai đoạn: Nghiên cứu cơ bản - Nghiên cứu ứng dụng/triển khai thử nghiệm - Thương mại hóa kết quả nghiên cứu; nội hàm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển KH,CN&ĐMST, cũng như các điều kiện để biến KH,CN&ĐMST thành động lực quan trọng để phát triển đất nước. Tập trung vào các vấn đề lý luận về tạo lập môi trường cho phát triển và quản lý KH,CN&ĐMST.

- Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và nội hàm về quản lý KH,CN&ĐMST (về nội dung quản lý, chủ thể quản lý, công cụ quản lý, đối tượng quản lý), mô hình và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý KH,CN&ĐMST trong 03 giai đoạn ở cả cấp quốc gia, cấp bộ/ngành, địa phương, cấp học viện/trường đại học/viện nghiên cứu, các tổ chức KH&CN và cấp doanh nghiệp.

- Nghiên cứu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế và tổng kết thành những bài học cho Việt Nam trong phát triển và quản lý KH,CN&ĐMST; phân tích được bối cảnh mới nhằm dự báo được những xu thế quốc tế ảnh hưởng đến phát triển KH,CN&ĐMST và những yêu cầu mới đặt ra đối với phát triển KH,CN&ĐMST; đổi mới quản lý KH,CN&ĐMST; làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn mới cần bổ sung, hoàn thiện trong phát triển và quản lý KH,CN&ĐMST ở Việt Nam.

2. Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST ở Việt Nam và đề xuất các định hướng, giải pháp đổi mới và hoàn thiện trong bối cảnh mới

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng về hệ thống quản lý KH,CN&ĐMST, bộ máy quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST và đề xuất các định hướng, giải pháp khắc phục các bất cập, đổi mới, hoàn thiện theo các vấn đề: quản lý nhà nước, bộ máy quản lý về KH,CN&ĐMST ở cấp quốc gia, bộ/ngành và địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng hệ thống luật pháp, chiến lược, quy hoạch kế hoạch, chính sách liên quan đến quản lý KH,CN&ĐMST và tập trung đề xuất các định hướng, giải pháp đổi mới, khắc phục bất cập, hoàn thiện trong bối cảnh mới theo các vấn đề: hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách liên quan đến quản lý, đầu tư, tài chính và phát triển KH,CN&ĐMST; hệ thống cơ chế, quy trình, thủ tục về quản lý hoạt động, quản lý nhiệm vụ KH,CN&ĐMST sử dụng ngân sách nhà nước trong các tổ chức KH&CN, trong doanh nghiệp nhà nước, trong doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST...

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng hệ thống tổ chức KH&CN, tổ chức ĐMST và tập trung đề xuất các định hướng, chính sách, giải pháp đổi mới và mô hình trong bối cảnh mới theo các vấn đề: tiềm lực, trình độ, hoạt động, cơ chế chính sách phát triển KH,CN&ĐMST của tổ chức KH&CN, tổ chức ĐMST công

lập; tổ chức KH&CN, tổ chức ĐMST ngoài công lập; mô hình thực tiễn, hệ thống cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống ĐMST quốc gia, hệ thống ĐMST ngành, hệ thống ĐMST vùng/địa phương gắn với các mô hình kinh tế điển hình như chuỗi giá trị ngành hàng, sản phẩm; khởi nghiệp ĐMST và hoạt động của một số hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST; công cụ, phương pháp đo lường hoạt động KH&CN, hoạt động ĐMST.

- Nghiên cứu, đánh giá về nguồn lực dành cho hoạt động KH,CN&ĐMST và quản lý KH,CN&ĐMST theo các vấn đề: nguồn nhân lực tham gia hoạt động KH,CN&ĐMST và quản lý KH,CN&ĐMST ở các cấp quốc gia/cấp địa phương; nguồn vốn và tài sản dành cho hoạt động KH,CN&ĐMST và quản lý KH,CN&ĐMST; năng lực của các tổ chức hoạt động KH&CN và quản lý các tổ chức hoạt động KH,CN&ĐMST; các nguồn lực xã hội, nguồn lực quốc tế khác để phát triển và quản lý KH,CN&ĐMST. Tập trung các kiến nghị về giải pháp, chính sách, mô hình nhằm khai thác, phát huy nguồn lực dành cho KH,CN&ĐMST.

2.3. Phân tích, đánh giá thực trạng quản trị hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp ở Việt Nam và đề xuất các định hướng chính sách

- Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về quản trị hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp và rút ra mô hình, bài học cho doanh nghiệp Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng về quản trị hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp Việt Nam theo các vấn đề: mô hình, phương thức quản trị hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp; thực hiện cơ chế chính sách, pháp luật khuyến khích KH,CN&ĐMST trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp...; đề xuất giải pháp, đề xuất thí điểm chính sách (sandbox) thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong khu vực doanh nghiệp;...

- Nghiên cứu phương pháp, công cụ đánh giá, đo lường hoạt động ĐMST của doanh nghiệp; triển khai đánh giá thực trạng hoạt động ĐMST của doanh nghiệp.

2.4. Đánh giá thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng về quản lý KH,CN&ĐMST và đề xuất định hướng, giải pháp đổi mới và hoàn thiện.

- Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng về quản lý KH,CN&ĐMST và đề xuất các định hướng, giải pháp đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức quản lý KH,CN&ĐMST ở các cấp.

- Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng về quản trị KH,CN&ĐMST, cơ chế chính sách của nhà nước đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về quản trị KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp; đề xuất cơ chế, chính sách

khuyến khích, hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về KH,CN&ĐMST đối với doanh nghiệp.

- Nghiên cứu xây dựng khung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, quản trị KH,CN&ĐMST phù hợp chuẩn mực quốc tế và điều kiện thực tế Việt nam; xây dựng một số bộ giáo trình, bài giảng, tài liệu giảng dạy về quản lý KH,CN&ĐMST và tổ chức một số khóa đào tạo cho đội ngũ làm công tác quản lý KH,CN&ĐMST các cấp ở Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức KH&CN.

2.5. Tổng hợp các kết quả nghiên cứu của Chương trình và đề xuất các mô hình, giải pháp tổng thể và giải pháp cụ thể nhằm đổi mới quản lý nhà nước về KHCN&ĐMST ở nước ta trong bối cảnh mới.

- Nghiên cứu triển khai thí điểm mô hình, giải pháp, chính sách đổi mới về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước.

- Tổ chức nghiên cứu, tổng hợp đề xuất các mô hình phát triển, giải pháp cụ thể, chính sách phù hợp phục vụ quá trình thể chế hóa việc đổi mới quản lý KH,CN&ĐMST, góp phần giải quyết những bất cập hiện nay trong hoạt động KH,CN&ĐMST để KH,CN&ĐMST thực sự là động lực phát triển kinh tế-xã hội.

III. Dự kiến sản phẩm

- Các báo cáo, sản phẩm khoa học cung cấp luận cứ để đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý KH,CN&ĐMST, góp phần triển khai thành công Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021-2030; cung cấp luận cứ cho việc xây dựng văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV, Đại hội Đảng lần thứ XV về phát triển KH,CN&ĐMST.

- Các báo cáo, sản phẩm khoa học cung cấp luận cứ khoa học phục vụ công tác xây dựng, ban hành và hoàn thiện cơ chế chính sách, qui trình, đề xuất mô hình quản lý KH,CN&ĐMST của Việt Nam và hướng dẫn quản lý KH,CN&ĐMST các bộ, ngành, địa phương phục vụ mục tiêu phát triển đất nước.

- Báo cáo tổng hợp các kết quả nghiên cứu của Chương trình và đề xuất định hướng, chính sách, giải pháp đổi mới, hoàn thiện mô hình quản lý KH,CN&ĐMST; công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý KH,CN&ĐMST đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Các bài báo khoa học công bố trong nước và quốc tế, các sách chuyên khảo; dự thảo (khung) các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tài liệu về quản lý KH,CN&ĐMST; kết quả đào tạo nghiên cứu sinh, thạc sỹ chuyên ngành về quản lý KH,CN&ĐMST; kết quả đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ làm công tác quản lý

KHCN&ĐMST ở trung ương và địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức KH&CN.

IV. Yêu cầu đối với sản phẩm khoa học

- Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng cụ thể cho từng đề tài; bảo đảm có tính mới, tính kế thừa về khoa học; khả thi thực hiện chuyển giao và ứng dụng để phục vụ xây dựng và ban hành chủ trương, chính sách phát triển KH,CN&ĐMST, phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

- Các sản phẩm của chương trình đảm bảo tính liên chính trong học thuật, được công bố, đăng tải và quản lý theo đúng qui trình hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

V. Chỉ tiêu đánh giá

1. Về ứng dụng vào thực tiễn:

- 50% số nhiệm vụ nghiên cứu có kết quả (các kiến nghị, giải pháp, mô hình và sản phẩm khoa học khác) đóng góp trực tiếp, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước;

- 80% số nhiệm vụ có kết quả (các kiến nghị, giải pháp, công cụ đánh giá, mô hình và sản phẩm khoa học khác) góp phần giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý, chính sách ở bộ, ngành, địa phương, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp.

- 60% số nhiệm vụ có kết quả cung cấp những luận giải cho việc nâng cao nhận thức lý luận và thực tiễn, góp phần phát triển khoa học quản lý.

- Bộ tài liệu giảng dạy và học tập của chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ quản lý KH,CN&ĐMST.

2. Về trình độ khoa học:

- 100% số nhiệm vụ có kết quả được công bố trên các tạp chí khoa học thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành được phê duyệt theo Quyết định của Hội đồng giáo sư nhà nước.

- 40% số nhiệm vụ có bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus.

- Ít nhất 80% đề tài có kết quả được xuất bản thành sách.

3. Về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực:

- 80% số nhiệm vụ có hỗ trợ hoạt động đào tạo sau đại học; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý KH,CN&ĐMST./.